TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Quốc Huy
2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/2021/TB-TA ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L1, sinh ngày 01/02/1975 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn xác định sinh ngày 12/02/1975*).

Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh ngày 21/11/1972 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn xác định sinh ngày 21/01/1971*).

Đều có địa chỉ: Thôn N1, xã M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Bùi Thị L1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Phạm Văn H1, sinh năm 1972 vào ngày 08 tháng 10 năm 1992 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới bà về ngay gia đình ông H1 chung sống. Quá trình chung sống được khoảng 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, ông H1 thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bên cạnh đó, ông H1 làm nghề lái tàu sông, ít về nhà, mỗi khi về nhà thì hắt hủi đánh chửi bà thậm tệ. Do

mâu thuẫn căng thẳng và sợ hãi bị đánh nên bà đã về gia đình chị gái ở cùng thôn sống ly thân với ông H1 từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn H1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng bà có 02 con là Phạm Văn T1, sinh năm 1993 và Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1997. Hiện các con đã khôn lớn, trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan hệ về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2021, Công an xã M1 cung cấp: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm 6, Thôn N1, xã M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông Phạm Văn H1 làm nghề lái tàu sông và vẫn sinh sống tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2021, chính quyền địa phương xã M1 cung cấp:

Địa phương không còn lưu giữ sổ sách đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 1992. Theo Giấy chứng nhận kết hôn mà bà L1 cung cấp cho Tòa án xác định thời điểm ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/1992 tại UBND xã M1, quyển số 29, chữ ký của Chủ tịch UBND xã M1 - Trương Văn N2 là đúng. Sau ngày cưới bà L1, ông H1 chung sống tại Thôn N1, xã M1. Ông H1 làm nghề lái tàu sông còn bà L1 kinh doanh đa cấp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L1, ông H1 thì địa phương không nắm được cụ thể nhưng trên thực tế thì ông bà đã sống ly thân nhau từ lâu. Chị Lan về gia đình chị gái tên là Mai ở cùng thôn, còn ông H1 sống trên thửa đất của vợ chồng. Nay bà L1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1, quan điểm địa phương xác định tình trạng hôn nhân giữa hai ông bà đã mâu thuẫn kéo dài khó có thể về đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L1.

Xử cho bà Bùi Thị L1 ly hôn ông Phạm Văn H1. Bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Bà Bùi Thị L1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - ông Phạm Văn H1 có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn N1, xã M1, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, trong thời hạn quy định, Tòa án đã tiến hành Thông báo bằng văn bản và gửi cho ông Phạm Văn H1 thông qua UBND xã M1 nơi ông H1 cư trú nhưng do ông H1 đi lao động (lái tàu sông) không về nhà nên UBND xã M1 không tiến hành giao văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H1 được. Do không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Bùi Thị L1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Bùi Thị L1 kết hôn với ông Phạm Văn H1 vào ngày 08/10/1992 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, bà L1, ông H1 chung sống tại Thôn N1, xã M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông H1 làm nghề lái tàu sông còn bà L1 làm nghề lao động tự do. Quá trình chung sống tại đây thì bà L1, ông H1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà L1 đã về gia đình chị gái (là bà Mai) ở cùng thôn sống ly thân với ông H1 từ năm 2016 đến nay. Bà L1, ông H1 đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa

bà L1, ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà L1 được ly hôn ông H1.

[3]. Quan hệ về con chung: Bà Bùi Thị L1 và ông Phạm Văn H1 có 02 con là Phạm Văn T1, sinh năm 1993 và Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1997. Hiện các con đã khôn lớn, trưởng thành, bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Quan hệ về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L1. Xử cho bà Bùi Thị L1 ly hôn ông Phạm Văn H1.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị L1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà L1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2018/0004096 ngày 19/3/2021. Bà Bùi Thị L1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã M1 (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn